BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN MÔ TẢ
Chương trình đào tạo trình độ đại học theo học chế tín chỉ
Ngành: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

(Ban hành theo Quyết định số 2381 /QĐ-ĐHV ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

I. Thông tin chung

1. Tên ngành:

Tên tiếng Việt: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

Tên tiếng Anh: Political Science Education

2. Mã số ngành đào tạo: 7140205

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Bằng cử nhân Giáo dục chính trị

Tên tiếng Anh: The degree of bachelor Political Science Education

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Viện Sư phạm Xã hội

7. Chương trình đối sánh: Chương trình đào tạo ngành Giáo dục chính trị trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Huế.

8. Hình thức đào tạo: Chính quy - Tập trung

9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

10. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT quốc gia
- Hình thức tuyển sinh: Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 20 sinh viên/năm.

11. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành giáo dục chính trị.
- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo.
- Có đầy đủ các hồ sơ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

12. Điều kiện tốt nghiệp

(Trích Điều 27, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ GD&ĐT về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp).

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ 132 tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo

- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên *(theo thang điểm 4).*

- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.

- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định;

- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

13. Ngày tháng ban hành:

14. Phiên bản chỉnh sửa:

II. Mục tiêu chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Chính trị có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội và giáo dục công dân; có khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển chương trình môn Giáo dục công dân cấp trung học cơ sở, giáo dục kinh tế và pháp luật trung học phổ thông trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

III. Chuẩn đầu ra

TT	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
1	**KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH**	
1.1	**Kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và khoa học xã hội - nhân văn**	
1.1.1	Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử triết học	2.0
1.1.2	Hiểu các đặc điểm nổi bật của văn học Việt Nam	2.0
1.1.3	Hiểu tiến trình lịch sử Việt Nam	2.0
1.1.4	Hiểu nội dung cơ bản của địa lý học	2.0
1 1.5	Hiểu nội dung cơ bản của lịch sử văn minh thế giới	2.0
1.1.6	Hiểu nội dung cơ bản của lý luận chính trị	2.0
1.2	**Kiến thức nền tảng ngành sư phạm**	
1.2.1	Hiểu ngành Sư phạm	3.0
1.2.2	Vận dụng kiến thức Tâm lý học trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.3	Vận dụng kiến thức Giáo dục học trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.4	Vận dụng các phương pháp dạy học hiện đại trong dạy học	4.0
1.2.5	Vận dụng kiến thức về giao tiếp sư phạm trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.6	Vận dụng kiến thức về đánh giá trong dạy học, giáo dục	3.0
1.2.7	Vận dụng kiến thức về phát triển chương trình trong dạy học, giáo dục	3.0

	1.3	**Kiến thức cốt lõi ngành Giáo dục chính trị (giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật)**			
	1.3.1	Hiểu lịch sử tư tưởng triết học, kinh tế, XHCN	3.0		
	1.3.	Vận dụng kiến thức về giáo dục pháp luật trong dạy học, giáo dục	3.0		
	1.3.3	Vận dụng kiến thức về giáo dục đạo đức trong dạy học, giáo dục	3.0		
	1.3.4	Vận dụng kiến thức về giáo dục thẩm mỹ trong dạy học, giáo dục	3.0		
	1.3.5	Vận dụng kiến thức về giáo dục kỹ năng sống trong dạy học, gi o dục	3.0		
	1.3.6	Vận dụng kiến thức về giáo dục dân số trong dạy học, giáo dục	3.0		
	1.3.7	Vận dụng kiến thức về giáo dục gia đình trong dạy học, giáo dục	3.0		
	1.3.8	Vận dụng kiến thức về giáo dục môi trường trong dạy học, giáo dục	3.0		
	1.3.9	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm	3.0		
	1.3.10	Tổ chức các hoạt động đoàn, đội ở trường phổ thông	3.0		
	1.4	**Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục chính trị**			
	1.4.1	Vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào nhận thức và thực tiễn	3.0		
	1.4.2	Hiểu lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3.0		
	1.4.3	Hiểu môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật trong nhà trường phổ thông	3.0		
	1.4.4	Vận dụng phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật	4.0		
	1.4.5	Khai thác chương trình, sách giáo khoa môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật	4.0		
	1.4.6	Phân tích yêu cầu đổi nội dung và phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân, giáo dục kinh tế và pháp luật trong nhà trường phổ thông	4.0		
	2	**KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP**			
	2.1	**Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong dạy học, giáo dục**			
	2.1.1	Xác định vấn đề	3.0		
	2.1.2	Phân tích vấn đề	3.0		
	2.1.3	Lựa chọn phương án giải quyết vấn đề	3.0		
	2.1.4	Thực hiện giải quyết vấn đề	3.0		
	2.2	**Kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề**			
	2.2.1	Xác định mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu	2.0		
	2.2.2	Xây dựng giả thuyết nghiên cứu	3.0		
	2.2.3	Thu thập thông tin	3.0		

	2.2.4	Điều tra, thực nghiệm, giải quyết vấn đề nghiên cứu	3.0		
	2.2.5	Bảo vệ giả thuyết nghiên cứu	3.0		
	2.3	**Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin**			
	2.3.1	Sử dụng ngoại ngữ	3.0		
	2.3.2	Ứng dụng công nghệ thông tin	3.0		
	2.4	**Kỹ năng phát triển cá nhân**			
	2.4.1	Vận dụng phương pháp tư duy khoa học	3.0		
	2.4.2	Vận dụng lý luận vào thực tiễ	3.0		
	2.4.3	Tự học và học suốt đời	3.0		
	2.4.4	Quản lý thời gian và nguồn lực	3.0		
	2.5	**Phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp**			
	2.5.1	Phẩm chất chính trị	3.0		
	2.5.2	Phẩm chất nhân văn	3.0		
	2.5.3	Đạo đức nghề nghiệp	3.0		
	3	**KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP**			
	3.1	**Kỹ năng làm việc nhóm**			
	3.1.1	Tổ chức nhóm	3.0		
	3.1.2	Lập kế hoạch và triển khai hoạt động nhóm	3.0		
	3.1.3	Phát triển nhóm	3.0		
	3.1.4	Lãnh đạo nhóm	3.0		
	3.1.5	Hợp tác nhóm	3.0		
	3.2	**Kỹ năng giao tiếp**			
	3.2.1	Xác định chiến lược giao tiếp	3.		
	3.2.2	Phân tích đối tượng giao tiếp	3.0		
	3.2.3	Lựa chọn phương thức giao tiếp	3.0		
	3.2.4	Thực hiện và điều chỉnh hoạt động	3.0		
	3.3	**Kỹ năng hoạt động xã hội**			
	3.2.1	Kỹ năng tổ chức hoạt động xã hội	3.0		
	3.2.2	Kỹ năng tham gia các hoạt động xã hội	3.0		
	4	**NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG (C), THIẾT KẾ (D), THỰC HIỆN (I) VÀ PHÁT TRIỂN (D) HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC, GIÁO DỤC**			
	4.1	**Nhận thức bối cảnh**			
	4.1.1	Nhận biết vai trò, trách nhiệm của người giáo viên	2.0		
	4.1.2	Hiểu ảnh hưởng của xã hội đối với giáo dục và ngược lại	2.0		

4.1.3	Hiểu về giáo dục phổ thông trong bối cảnh thời đại và đất nước	2.0		
4.1.4	Hiểu tính chất, đặc điểm của giáo dục ở bậc trung học phổ thông	2.0		
4.1.5	Hiểu đặc điểm tâm sinh lý, trí tuệ học sinh	2.0		
4.2	**Hình thành ý tưởng**			
4.2.1	Xác định nhu cầu xã hội v mục tiêu	3.0		
4.2.2	Dự kiến nội dung, phương pháp, phương tiện	3.0		
4.2.3	Phác thảo quy trình dạy học	3.0		
4.3	**Thiết kế chương trình**			
4.3.1	Xác định mục tiêu dạy học	3.0		
4.3.2	Xác định nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học	3.0		
4.3.3	Xác định hình thức tổ chức dạy học	3.0		
4.3.4	Xây dựng kế hoạch dạy học	3.0		
4.3.5	Xác định hình thức kiểm tra, đánh giá	3.0		
4.4	**Thực hiện chương trình**			
4.4.1	Triển khai kế hoạch	3.0		
4.4.2	Giám sát, kiểm tra, đánh giá	3.0		
4.4.3	Xử lý các tình huống sư phạm	3.0		
4.4.4	Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3.0		
4.4.5	Tư vấn, hỗ trợ tâm lý và hướng nghiệp	3.0		
4.5	**Phát triển chương trình**			
4.5.1	Phát hiện các vấn đề nảy sinh	3.0		
4.5.2	Xử lý thông tin phản hồi và kết quả kiểm tra, đánh giá	3.0		
4.5.	Cải tiến, phát triển chương trình	3.0		

IV. Nội dung chương trình đào tạo

4.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ, trong đó:

4.1.1. Kiến thức Chính trị, khoa học Xã hội – Nhân văn: 26 tín chỉ (20,8 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5
2	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
3	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
4	LIT20002	Văn học Việt Nam đại cương	3
5	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3
6	GEO20001	Địa lý học đại cương	4
7	POL20002	Lịch sử triết học	3

8	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3

4.1.2. Kiến thức nền tảng ngành Sư phạm Xã hội: 35 tín chỉ (28 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	EDU20003	Tâm lý học	4
2	EDU20006	Giáo dục học	4
3	EDU20001	Nhập môn ngành Sư phạm	2
4	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	3
5	LIT20005	Phương pháp dạy học hiện đại	4
6	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục	2
7	HIS20006	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	3
8		Tự chọn 1	3
9	ENG10001	Tiếng Anh 1	3
0	ENG10002	Tiếng Anh 2	4
11	INF20010	Ứng dung ICT trong GD	3

Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần)

1	GEO20002	Bản đồ giáo khoa	3	30/(15)/90	4	Địa lí-QLTN
2	POL20003	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3	30/15/90	4	GD Chính trị
3	LIT20003	Kĩ năng soạn thảo, xử lý văn bản	3	30/15/90	4	SP Ngữ văn
4	LIT20004	Kĩ năng thuyết trình	3	30/15/90	4	SP Ngữ văn

4.1.3. Kiến thức cốt lõi ngành Giáo dục Chính trị: 24 tín chỉ (19,2 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	POL20001	Lôgíc hình thức	3
2	LAW30014	Pháp luật Việt Nam	5
3	POL30007	Đạo đức học	3
5	POL30023	Mỹ học	2
6	POL30010	Lịch sử tư tưởng kinh tế	3
7	POL30022	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	3
8	POL30008	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin	5

4.1.4. Kiến thức nâng cao ngành Giáo dục Chính trị: 34 tín chỉ (27,2 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	POL30018	Chuyên đề triết học	5

2	POL30017	Chuyên đề kinh tế chính trị	5
3	POL30027	Chuyên đề CNXH khoa học	5
4	POL30029	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh	3
5	POL30028	Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
6	POL30016	Chương trình và lý luận dạy học bộ môn GDCD	5
7	POL30033	Phương pháp dạy học bộ môn GDCD	5
8		Tự chọn 2	3

Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 4 học phần)

1	POL30030	Công tác Đảng và công tác đoàn thể	3	30/15/90	7	GD Chính trị
2	POL30031	Giáo dục gia đình	3	30/15/90	7	GD Chính trị
3	POL30034	Phương pháp NCKH ngành Giáo dục Chính trị	3	30/15/90	7	GD Chính trị
4	POL30036	Rèn luyện nghiệp vụ môn Giáo dục công dân	3	30/15/90	7	GD Chính trị

4.1.5. Kiến thức thực tế, thực tập: 6 tín chỉ (4,8 %)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	EDU20012	Kiến tập sư phạm	1
2	POL30040	Thực tập SP ngành GDCT	5

4.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài tập, (T.hành)/Tự học	Phân kỳ	Khoa/Viện đảm nhận
1	EDU20001	Nhập môn ngành sư phạm	2	25/5/60	1	Giáo dục
2	POL10001	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin	5	50/25/150	1	GD Chính trị
3	EDU20003	Tâm lý học	4	45/15/120	1	Giáo dục
4	GEO20001	Địa lí học đại cương	4	40/20/120	1	Địa lí-QLTN

5	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3	30/15/90	2	Lịch sử
6	EDU20006	Giáo dục học	4	45/15/120	2	Địa lí-QLTN
7	ENG10001	Tiếng Anh 1	3	30/15/90	2	SP Ngoại ngữ
8	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20/10/60	2	GD Chính trị
9	LIT20002	Văn học Việt Nam đại cương	3	30/15/90	2	SP Ngữ văn
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	(3)	45/0/90	1-3	GDQP-AN
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	(2)	30/0/60	1-3	GDQP-AN
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	(3)	15/(30)/90	1-3	GDQP-AN
	SPO10001	Giáo dục thể chất	(5)	15/(60)/150	1-3	GD Thể chất
10	POL10003	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	30/15/90	3	GD Chính trị
11	INF20010	Ứng dụng ICT trong giáo dục	3	30/(15)/90	3	Viện SPTN
12	POL20002	Lịch sử triết học	3	30/15/90	3	GD Chính trị
13	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3	30/15/90	3	Lịch sử
14	ENG10002	Tiếng Anh 2	4	45/15/120	3	SP Ngoại ngữ
15	EDU20010	Đánh giá trong giáo dục	2	20/10/60	4	Giáo dục
16	HIS20006	Phát triển chương trình giáo dục phổ thông	3	30/15/90	4	Lịch sử

17	LIT20005	Phương pháp dạy học hiện đại	4	40/20/120	4	SP Ngữ văn
18		**Tự chọn 1**	3		4	
19	EDU20011	Giao tiếp sư phạm	3	30/15/90	4	Giáo dục
20	POL30007	Đạo đức học	3	30/15/90	5	GD Chính trị
21	POL30008	Giới thiệu tác phẩm Mác - Lênin	5	50/25/150	5	GD Chính trị
22	EDU20012	Kiến tập sư phạm	1	0/(15)/30	5	Giáo dục
23	POL30010	Lịch sử tư tưởng kinh tế	3	30/15/90	5	GD Chính trị
24	POL20001	Lôgic hình thức	3	30/15/90	5	GD Chính trị
25	LAW30014	Pháp luật Việt Nam	5	50/25/150	5	Luật
26	POL30017	Chuyên đề kinh tế chính trị	5	50/25/150	6	GD Chính trị
27	POL30018	Chuyên đề triết học	5	50/25/150	6	GD Chính trị
28	POL30016	Chương trình và lý luận dạy học bộ môn giáo dục công dân	5	50/25/150	6	GD Chính trị
29	POL30022	Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa	3	30/15/90	6	GD Chính trị
30	POL30023	Mỹ học	2	20/10/60	6	GD Chính trị
31	POL30027	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học	5	50/25/150	7	GD Chính trị
32	POL30028	Chuyên đề lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	3	30/15/90	7	GD Chính trị
33	POL30029	Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí	3	30/15/90	7	GD Chính

		Minh				trị
34	POL30033	Phương pháp dạy học bộ môn giáo dục công dân	5	50/(25)/150	7	GD Chính trị
35		**Tự chọn 2**	3		7	GD Chính trị
36	POL30040	Thực tập sư phạm	5	0/(75)/150	8	GD Chính trị
		Cộng:	**125**			

Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 4 học phần)

1	GEO20002	Bản đồ giáo khoa	3	30/(15)/90	4	Địa lí-QLTN
2	POL20003	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	3	30/15/90	4	GD Chính trị
3	LIT20003	Kĩ năng soạn thảo, xử lý văn bản	3	30/15/90	4	SP Ngữ văn
4	LIT20004	Kĩ năng thuyết trình	3	30/15/90	4	SP Ngữ văn

Tự chọn 2(Chọn 1 trong 4 học phần)

1	POL30030	Công tác Đảng và công tác đoàn thể	3	30/15/90	7	GD Chính trị
2	POL30031	Giáo dục gia đình	3	30/15/90	7	GD Chính trị
3	POL30034	Phương pháp NCKH ngành Giáo dục Chính trị	3	30/15/90	7	GD Chính trị
4	POL30036	Rèn luyện nghiệp vụ môn Giáo dục công dân	3	30/15/90	7	GD Chính trị

4.3. Mô tả học phần

Mô tả các học phần thuộc các tổ bộ môn ngành giáo dục chính trị giảng dạy

4.3.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin: 5 tín chỉ

Môn học thuộc khối kiến thức cơ bản của các ngành đào tạo trình độ đại học, bao gồm những nội dung cơ bản về triết học Mác - Lênin, về kinh tế chính trị Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Ngoài phần mở đầu giới thiệu khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, nội dung chương trình gồm ba phần:

Phần 1**:** Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Phần 2: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về các học thuyết kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Phần 3: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học.

4.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh**:** 2 tín chỉ

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, bắt buộc sinh viên tất cả các ngành phải được trang bị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần có 8 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản hệ thống lý luận quan điểm, toàn diện và sâu sắc của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam bao gồm: vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

4.3.3. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 tín chỉ

Học phần thuộc khối kiến cơ bản nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống những quan điểm chủ trương chính sách của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội, phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

4.3.4. Lịch sử triết học**:** 3 tín chỉ

Môn *Lịch sử triết học* phân tích quá trình hình thành, vận động, phát triển của tư duy triết học nhân loại. Khởi nguồn từ những nền văn minh rực rỡ nhất thời cổ đại như văn minh Hy Lạp ở phương Tây, văn minh Trung Quốc và Ấn Độ ở phương Đông, tư duy triết học qua các thời đại đã phản ánh, dưới hình thức lý luận khái quát nhất, sự phát triển phức tạp, đa dạng của xã hội, cũng như quá trình tự ý thức ngày càng sâu sắc hơn của con người về bản thân mình. Lịch sử của tư duy triết học cũng là lịch sử con người đặt ra và không ngừng tìm tòi cách thức

giải quyết cho một loạt những vấn đề như bản chất của tồn tại, bản chất con người, khả năng nhận thức của con người, bản chất của mối quan hệ giữa con người với thế giới, giữa con người với nhau, về mục đích, ý nghĩa và các chuẩn mực giá trị của cuộc sống. Những quan niệm triết học khác nhau đó sẽ được hệ thống hóa trong một hệ khái niệm đặc thù của khoa học *Lịch sử triết học* như vấn đề cơ bản của triết học, chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy tâm, hoài nghi luận, biện chứng, siêu hình…, và được trình bày, đánh giá trong sự phát triển lịch sử của chúng, gắn liền với những nền tảng kinh tế - xã hội và khoa học của những thời đại trong đó chúng nảy sinh và tồn tại.

4.3.5. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo: 3 tín chỉ

Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được trang bị cho sinh viên các chuyên ngành sư phạm xã hội. Học phần có 3 chương, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lý luận chung trải nghiệm sáng tạo; về thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trong quá trình dạy học ở trường trung học phổ thông.

4.3.6. Lôgíc hình thức: 3 tín chỉ

Lôgíc hình thức là khoa học nghiên cứu các hình thức của tư duy và mối liên hệ giữa chúng về mặt giá trị chân lý, nhằm xác lập các qui luật, qui tắc cho tư duy mà việc tuân thủ chúng là điều kiện không thể thiếu để đạt tới tri thức đúng đắn về đối tượng. Trên cơ sở phân tích các yếu tố cấu thành và các thao tác cơ bản của tư duy như khái niệm, phán đoán, suy luận và chứng minh, lôgích hình thức vạch ra 4 qui luật cơ bản của tư duy (quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái thứ ba, quy luật lý do đầy đủ), và một hệ thống các qui tắc cụ thể, chặt chẽ điều chỉnh toàn bộ hoạt động của tư duy, mà trọng tâm là nhóm các qui tắc suy luận diễn dịch.

4.3.7. Đạo đức Mác – Lênin**:** 3 tín chỉ

Đạo đức học Mác-Lênin nghiên cứu những vấn đề chung nhất về nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức, về tính xã hội truyền thống, tính nhân loại phổ biến trong sự vận động, phát triển của đạo đức; làm rõ đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của Đạo đức học Mác-Lênin. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên một số phạm trù cơ bản của Đạo đức học Mác-Lênin, những nguyên tắc cơ bản của đạo đức XHCN và những yêu cầu đạo đức trong các mối quan hệ xã hội. Đặc biệt, môn học còn đề cập đến một nội dung quan trọng, đó là đạo đức Hồ Chí Minh - một tấm gương đạo đức sáng ngời trong lịch sử Việt Nam kết tinh truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc với tinh hoa đạo đức nhân loại.

4.3.8. Chuyên đề triết học**:** 5 tín chỉ

Với học phần, đề cấp đến những nội dung cơ bản và cấp thiết về mặt lý luận và thực tiễn như: thế giới quan duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn, lý luận hình thái kinh tế - xã hội, vấn đề con người và xây dựng con

người Việt Nam hiện nay.

***4.3.9. Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học*:** 5 tín chỉ

Đây là các chuyên đề thể hiện những vấn đề cơ bản lý luận về chính trị -xã hội, về CNXHKH, và sự vận dụng của Đảng, Nhà nước ta. Đây là những vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết hiện nay ở nước ta. Thể hiện qua cấu trúc nội dung

***4.3.10. Chuyên đề lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*:** 3 tín chỉ

Chuyên đề Lịch sử Đảng là những nội dung có tính khái quát và chuyên sâu về những vấn đề cơ bản nhất của khoa học Lịch sử Đảng, Đường lối cách mạng. Hệ thống chuyên đề gồm:

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong cách mạng Việt Nam.

Quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của Đảng Cộng sản Việt Nam

Quá trình hình thành và phát triển đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng CSVN.

Quá trình hình thành, phát triển đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng trong thời kỳ đổi mới.

4.3.11. Chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh: 3 tín chỉ

Học phần tập trung làm rõ hệ thống quan điểm, toàn diện và sâu sắc của chủ tịch Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; về Nhà nước; về giáo dục đào tạo; về kinh tế và về giáo dục đạo đức cho thanh niên – thế hệ cách mạng tương lai của dân tộc. Qua đó giúp sinh viên trang bị những kiến thức lý luận chuyên sâu về tư tưởng Hồ Chí Minh.

4.3.12. Chuyên đề kinh tế chính trị: 5 tín chỉ

Gồm những nội dung cơ bản của kinh tế chính trị về học thuyết giá trị - lao động và học thuyết giá trị thặng dư của C.Mác trong thời đại ngày nay, về chủ nghĩa tư bản hiện đại, về công nghiệp hoá, hiện đại hóa, kinh tế tri thức và về kinh tế thị trường trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

4.3.13. Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin: 5 tín chỉ

Cung cấp cho sinh viên những quan điểm chính trị trong một số tác phẩm tiêu biểu của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, qua đó giúp người học nắm được một cách có hệ thống lịch sử hình thành, phát triển cũng như nội dung và ý nghĩa của các quan điểm chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin.

4.3.14. Chương trình và lý luận dạy học bộ môn giáo dục công dân: 5 tín chỉ

Môn học có 6 chương gồm những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học bộ môn

GDCD, những vấn đề về cơ sở xây dựng môn học, các nguyên tắc dạy học, hệ thống các phương pháp dạy học môn GDCD cùng với một số kỹ năng sư phạm cần thiết và các hình thức tổ chức dạy học.

4.3.15. Phương pháp dạy học bộ môn giáo dục công dân: *5* tín chỉ

Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết chung về chương trình GDCD lớp 10, lớp 11, lớp 12 ở trường THPT và phương pháp giảng dạy các bài cụ thể trong chương trình. Trên cơ sở đó, sinh viên tiến hành soạn bài và thực hành tập giảng.

4.3.16. Lịch sử Tư tưởng xã hội chủ nghĩa**:** 3 tín chỉ

Môn học có 6 chương, bao gồm quá trình phát sinh, hình thành, nội dung của những tư tưởng XHCN, từ khi thời cổ đại, trung đại đến thời cận và hiện đại; quá trình chuyển biến của CNXH từ không tưởng thành khoa học, các giai đoạn phát triển của CNXHKH.

4.3.17. Lịch sử Tư tưởng kinh tế**:** 3 tín chỉ

4.3.18. Công tác Đảng và công tác đoàn thể: 3 tín chỉ

Học phần trang bị những vấn đề lý luận cơ bản của các tổ chức đoàn thể chủ yếu được thành lập và tồn tại trong nhà trường ở Việt Nam, bao gồm tổ chức Đảng và các đoàn thể trong nhà trường; Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Học phần còn cung cấp cho các nhà giáo dục các vấn đề liên quan đến mục tiêu, chương trình, nhiệm vụ của từng tổ chức nhằm tạo điều kiện để làm tốt công tác giáo dục toàn diện.

4.3.19. Rèn luyện nghiệp vụ môn Giáo dục công dân: 3 tín chỉ

4.3.20. Mĩ học Mác - Lênin**:** 3 tín chỉ

Với 5 chương bao gồm những kiến thức cơ bản về mối quan hệ thẩm mĩ của con người đối với hiện thực, trong đó, nghệ thuật là nơi tập trung nhất mối quan hệ thẩm mĩ; xác định những yếu tố của ý thức thẩm mĩ, các phạm trù cơ bản của mĩ học. Trên cơ sở đó nâng cao năng lực thẩm mĩ, ý thức trau dồi lí tưởng thẩm mĩ đúng đắn cao đẹp, nhằm đáp ứng đầy đủ các mục đích "Chân", "Thiện", "Mĩ" trong giáo dục đào tạo con người.

4.3.21. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành giáo dục chính trị: 2 tín chỉ

Với 5 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của phương pháp luận NCKH, Phương pháp luận NCKH chuyên ngành và các thao tác khi thực hiện NCKH thuộc chuyên ngành GDCT

4.3.22. Giáo dục gia đình**:** 2 tín chỉ

Môn học có 4 chương, bao gồm những lí luận cơ bản về gia đình, về mối quan hệ biện

chứng giữa gia đình và xã hội; những nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục của gia đình để giải quyết những tình huống cụ thể từ đó thấy được vai trò của gia đình trong việc hình thành nhân cách người công dân XHCN.

V. Ma trận các kỹ năng

Là bảng phân nhiệm các chuẩn đầu ra cho các học phần, trong đó xác định rõ trình độ kỹ năng, năng lực các học phần phải hình thành cho người học.

Tham khảo mẫu sau:

TT	Chuẩn đầu ra / Học phần	1.1.1	1.1.2	...	2.1.1	...	3.1.1	...	4.1.1	...
1		2.0			2.5		3.5		3.0	
2										
...										

Lưu ý: *Các ký hiệu chuẩn đầu ra (1.1.1, 1.1.2,...) là danh mục Chuẩn đầu ra cấp độ 3 được quy định ở mục III.*

VI. Cách thức đánh giá kết quả học tập

6.1. Thang điểm đánh giá: Thực hiện theo Điều 5 của Qui chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007

6.2. Quy định về cách thức đánh giá: Thực hiện theo Điều 5 của Qui chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007

VII. Điều kiện thực hiện chương trình

7.1. Đội ngũ giảng viên

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Bùi Thị Cần, (1980), Trưởng Bộ môn		TS Năm 2017	Hồ Chí Minh học, Chính trị học	- Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) - Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh (5 tín chỉ) - Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành sư phạm giáo dục chính trị (2 tín chỉ) - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh (3 tín chỉ)

2	Phan Văn Tuấn, (1983),		TS Năm 2017	Hồ Chí Minh học, Chính trị học	- Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) - Chuyên đề Tư tưởng Hồ Chí Minh (5 tín chỉ)	
3.	Hoàng Thị Nga		Ths Năm 2006	Triết học	- Phương pháp dạy học bộ môn giáo dục công dân (5 tín chỉ) - Chương trình và lý luận dạy học bộ môn giáo dục công dân (5 tín chỉ) - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh (3 tín chỉ) - Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành sư phạm giáo dục chính trị (2 tín chỉ)	
4	Nguyễn Thị Kim Thi		Ths Năm 2013	Lý luận và PP dạy học giáo dục chính trị	- Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) - Phương pháp dạy học bộ môn giáo dục công dân (5 tín chỉ) - Chương trình và lý luận dạy học bộ môn giáo dục công dân (5 tín chỉ) - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh (3 tín chỉ)	
5	Nguyễn Thị Kim Chi		Ths Năm 2016	Lý luận và PP dạy học giáo dục chính trị	- Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) - Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh (3 tín chỉ)	
6	Đinh Thế Định (1958)	PGS Năm 2014	TS Năm 2001	CNXH	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin (3 tín chỉ)	
7	Nguyễn Thị Diệp (1969)		ThS Năm 2004	KTCT		

8	Nguyễn Thị Mỹ Hương (1975)		ThS Năm 2005	KTCT		
9	Nguyễn Thị Hải Yến (1982)		TS Năm 2019	KTCT		
10	Phạm Thị Thúy Hồng (1984)		ThS Năm 2009	GDCT		
11	Vũ Thị Phương Lê (1975)		TS Năm 2011	CNXH		
12	Nguyễn Thị Diệp (1969)		ThS Năm 2004	KTCT	Giới thiệu tác phẩm Mác – Lênin (5 tín chỉ)	
13	Nguyễn Thị Diệp (1969)		ThS Năm 2004	KTCT	Lịch sử tư tưởng kinh tế (3 tín chỉ)	
14	Đinh Trung Thành (1970)	PGS Năm 2017	TS Năm 2011	KTCT		
15	Nguyễn Thị Mỹ Hương (1975)		ThS Năm 2005	KTCT		
16	Nguyễn Thị Hải Yến (1982)		TS Năm 2019	KTCT		
17	Nguyễn Thị Diệp (1969)		ThS Năm 2004	KTCT	Chuyên đề kinh tế chính trị (5 tín chỉ)	

18	Đinh Trung Thành (1970)	PGS Năm 2017	TS Năm 2011	KTCT	
19	Nguyễn Thị Mỹ Hương (1975)		ThS Năm 2005	KTCT	
20	Nguyễn Thị Hải Yến (1982)		TS Năm 2019	KTCT	
21	Đinh Thế Định (1958)	PGS 2014	TS Năm 2001	CNXH	Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học (5 tín chỉ)
23	Vũ Thị Phương Lê (1975)		TS Năm 2011	CNXH	
24	Nguyễn Văn Trung		TS Năm 2012	LSĐ	Chuyên đề lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)
25	Trần Cao Nguyên (1982)		TS Năm 2017	LSĐ	
26	Dương Thị Mai Hoa (1988)		ThS Năm 2014	LS Đảng	
27	Nguyễn Văn Trung		TS Năm 2012	LS Đảng	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN (3 tín chỉ)
28	Trần Cao Nguyên (1982)		TS Năm 2017	LS Đảng	

29	Trần Thị Hạnh (1985)		ThS Năm 2013	LS Đảng	
30	Dương Thị Mai Hoa (1988)		ThS Năm 2014	LS Đảng	
31	Phan Thị Nhuần (1989)		ThS (2016)	Lich sử VN	

7.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy (dùng chung toàn trường);
- Phòng tập giảng, thảo luận
- Ký túc xá (dùng chung toàn trường);
- Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá - thể thao,... (dùng chung toàn trường);

VIII. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Nghệ An, ngày ..... tháng ..... năm .....

HIỆU TRƯỞNG